TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 30/01/2019
V/v "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/HNGĐ-PT ngày 20/12/2018 về việc: "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị K, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1958
2. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Đội 5, xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Ông H1 ủy quyền cho bà M (theo Giấy ủy quyền số chứng thực 49/2018, ngày 26-10-2018). (cả hai đều vắng mặt)

3. Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số x, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – CV: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ninh H – CV: Giám đốc Ngân hàng A, chi nhánh Bình Phước. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị K trình bày:

Chị Đỗ Thị K và anh Hoàng Văn H sau thời gian tìm hiểu đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và về chung sống với nhau từ ngày 03-02-2009, đến ngày 26-3-2010 mới đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được, nên chị K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và đã được cho ly hôn bằng Bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 02-11-2017 của Tòa án nhân dân thị xã P và Bản án số 09/2017/HNGĐ-PT, ngày 07-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Về con chung: Chị K và anh H có 02 người con chung tên Hoàng Thị Thúy V, sinh ngày 28-3-2010 và Hoàng Nhật Q, sinh ngày 22-12-2011. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đã được giải quyết theo Bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 02-11-2017 của Tòa án nhân dân thị xã P và Bản án số 09/2017/HNGĐ-PT, ngày 07-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị K, anh H có tạo dựng được khối tài sản chung là diện tích đất 239,7m^2 tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 00195/CNTT ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2. Khi ly hôn, chị K yêu cầu chia đôi, chị K có nguyện vọng được nhận diện tích đất 239,7m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất và giao lại cho anh H ½ tổng giá trị tài sản chung.

Về nợ chung: Chị K và anh H có nợ Ngân hàng A, chi nhánh Bình Phước, phòng giao dịch Phước Bình số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên anh H. Nợ ông Hoàng Văn H1 và bà Phạm Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền trả công thợ cho anh T. Đây là nợ chung của vợ chồng nên chị K và anh H sẽ cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Anh Hoàng Văn H thống nhất như lời trình bày của chị K về quan hệ hôn nhân và con chung.

Về tài sản chung: Diện tích đất 239,7m^2 tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước đã được cấp GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-6-2010 cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2. Anh H cho rằng đây là tài sản riêng của anh H và yêu cầu chia công sức đóng góp cho chị K theo tỷ lệ 4/6 giá trị tài sản sau khi trừ đi khoản nợ chung và giao cho anh H sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng và nợ ông H1 bà M 50.000.000đ tiền công trả cho anh T. Ngoài ra, anh H cho rằng vợ chồng anh còn nợ ông H1 bà M 150.000.000đ, gồm tiền mua đồ nghề inox 70.000.000đ, tiền bán xưởng mộc của ông H1 15.000.000đ, tiền bán xe của ông H1 15.000.000đ, tiền vay Quỹ tín dụng Liêm Hải 50.000.000đ; nợ ông bà C 50.000.000đ; nợ tiền công thợ của anh V 200.000.000đ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Đại diện Ngân hàng A trình bày:

Ngày 29-4-2016 chị K và anh H ký kết hợp đồng tín dụng số VanKT-097/2016-HĐTD/NHCT504 với Ngân hàng A, chi nhánh Bình Phước, Phòng giao dịch Phước Bình vay số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng, với lãi suất 10%/năm. Để đảm bảo khoản vay, chị K anh H thế chấp diện tích đất 239,7m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-10-2010 cho ông Hoàng Văn H. Đến ngày 17-7-2017, anh H đã trả cho Ngân hàng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Ngày 11-11-2016 Ngân hàng A có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh H chị K có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất vay theo Hợp đồng tín dụng số VanKT-097/2016-HĐTD/NHCT504, ngày 29-4-2016 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị K, anh H trả cho ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ lại là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ngày 23-10-2018 Đại diện Ngân hàng là ông Phạm Ninh H có đơn xin rút yêu cầu độc lập và xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn H1 và bà Phạm Thị M trình bày:

Về chia tài sản chung: Ông H1, bà M không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của chị K về việc chị K được chia nhà và đất, hoàn lại cho anh H giá trị bằng tiền vì diện tích đất là do ông H1 đứng ra mua cho riêng anh H và hiện nay do anh H đứng tên, chỉ chia công sức đóng góp của chị K đối với tài sản trên đất của chị K, anh H.

Về nợ chung: Ông H1 và bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị K, anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H1 bà M tổng số tiền vay mượn chưa trả là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập ngày 19-4-2017 do bà M, ông H1 đã tự thương lượng với anh H giải quyết xong phần nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình xét xử của Tòa án nhân dân các cấp:**

Tại Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST ngày 02-11-2017 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị K.

- Về hôn nhân và con chung: Cho chị K được ly hôn với anh H; Giao cháu Hoàng Thị Thúy V, sinh ngày 28-3-2010 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Nhật Q, sinh ngày 22-12-2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Giao cho chị K được quyền sở hữu, sử dụng 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2, 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2, nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2, hồ nước có dung tích 5,9m^3, sân bê tông có diện tích 36m^2, sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2 và diện tích đất 239,7m^2 tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-6-2010 cho ông Hoàng Văn H.

Buộc chị K có nghĩa vụ thanh toán cho anh H giá trị chênh lệch chia tài sản là 270.418.452đ (Hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) và hoàn lại cho anh H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng A. Buộc chị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A, chi nhánh Bình Phước, Phòng giao dịch Phước Bình số tiền 177.239.996đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*). Ngân hàng A, chi nhánh Bình Phước, Phòng giao dịch Phước Bình có nghĩa vụ giao trả cho chị K 01 GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-10-2010 cho ông Hoàng Văn H khi chị K trả hết số tiền trên.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Hoàng Văn H1 và bà Phạm Thị M. Buộc chị K có nghĩa vụ trả cho ông H1 và bà M số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1 bà M đối với số tiền 70.000.000đ mua đồ nghề inox, 15.000.000đ tiền bán xưởng mộc và 50.000.000đ tiền vay tại Quỹ tín dụng Liêm Hải.

Tại Bản án số 09/2017/HNGĐ-PT, ngày 07-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn H; Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/HNGĐ-ST, ngày 02-11-2017 của Tòa án nhân dân thị xã P về phần tài sản, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST 05-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước về việc: Tranh chấp về tài sản chung và nợ chung khi ly hôn (xét xử sơ thẩm lần 2) đã quyết định:

1. Giao cho anh Hoàng Văn H toàn quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2(trong đó có 60m^2 đất ONT), thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00195/CNTT (số vào sổ H 00195/CN) ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2. Tổng trị giá tài sản là 1.669.488.840đ.

- Giao cho anh Hoàng Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00195/CNTT (số vào sổ H 00195/CN) ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H. Anh H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai để thực hiện việc cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Anh Hoàng Văn H được chia phần tài sản có trị giá là 1.069.488.840 đồng, tương đương với 64% tổng giá trị tài sản chung. Buộc anh Hoàng Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Đỗ Thị K số tiền 600.000.000 đồng, tương đương với 36% tổng giá trị tài sản chung.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng A và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M, ông Hoàng Văn H1.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lệ phí Tòa án, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2018, nguyên đơn chị Đỗ Thị K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST 05-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P với lý do không đồng ý việc Tòa án sơ thẩm giao cho anh H được quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2 (trong đó có 60m^2 đất ONT), thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00195/CNTT (số vào sổ H 00195/CN) ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2 và buộc anh Hoàng Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Đỗ Thị K số tiền 600.000.000 đồng, tương đương với 36% tổng giá trị tài sản chung. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho chị K được quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2 và toàn bộ tài sản trên đất. Chị K sẽ hoàn lại cho anh H số tiền 834.744.420đ tương ứng với 50% giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Đỗ Thị K xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc xin hưởng 50% giá trị tài sản bằng tiền.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Đỗ Thị K về việc xin hưởng 50% giá trị tài sản bằng tiền, Sửa Bản án sơ thẩm số Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số **19**/2018/HNGĐ-ST ngày 05-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước. Đình chỉ một phần kháng cáo của chị Đỗ Thị K về phần yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Đỗ Thị K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 05-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật là quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2 và toàn bộ tài sản trên đất và chị K sẽ hoàn lại cho anh H số tiền 834.744.420đ tương ứng với 50% giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đỗ Thị K tự nguyện xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật và giữ yêu cầu kháng cáo về việc xin nhận 50% giá trị tài sản bằng tiền, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ một phần kháng cáo của chị K về phần này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị K về việc yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản chung thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm lần thứ nhất, nguyên đơn chị K, bị đơn anh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1, bà M (là bố mẹ đẻ của anh H) đều thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là diện tích đất 239,7m^2, trên đất có 01 căn nhà cấp IV D có diện tích 90m^2, 01 căn nhà cấp IV A có diện tích 84m^2, nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2, hồ nước có dung tích 5,9m^3, sân bê tông có diện tích 36m^2, sân bê tông có lát giạch Ceramic diện tích 26,4m^2 tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-6-2010 cho ông Hoàng Văn H. Nguồn gốc của thửa đất từ việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H vào cuối năm 2009 với giá 360 triệu đồng. Tiền dùng để mua đất là

do vợ chồng anh H, chị K tích cóp được 100 triệu đồng, tiền bán xưởng mộc 25 triệu, còn lại vay của ông H1, bà M. Số tiền vay của ông H1, bà M dùng để mua đất, vợ chồng anh H chị K đã trả cho ông H1, bà M mỗi lần từ 15 – 20.000.000đ, chuyển qua đường bưu điện. Nay còn nợ ông H1, bà M tiền mua đất là 50.000.000đ.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, do bản án sơ thẩm lần 1 này bị hủy, nên quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm lần 2 anh H đã thay đổi lời trình bày của mình. Anh H không thừa nhận toàn bộ nội dung lời khai trước đó, mà cho rằng đây là tài sản riêng của anh. Lí do: vì nguồn gốc đất là do bố mẹ anh vay mượn mua cho anh và cho anh đứng tên trên quyền sử dụng đất.

Xét thấy, lời khai của anh H trước sau không thống nhất mà có sự mâu thuẫn với chính lời trình bày của mình, cụ thể: Tại bản tự khai ngày 04/8/2016 (bút lục 14) anh H trình bày: "*Về tài sản chung vợ chồng tôi có diện tích 240m^2 tại Kp Bình Giang 2, P. Sơn Giang... Nay tôi yêu cầu để cho 2 đứa con*"; Biên bản hòa giải ngày 12/8/2016 (bút lục 18) anh H trình bày: "*Về tài sản chung: anh không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại phường Sơn Giang, anh yêu cầu để lại cho 2 con*"; Tại Biên bản hòa giải ngày 28/12/2016 anh H trình bày: "*về tài sản chung: Diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước và các vật dụng trong gia đình...*"; Tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2017 (bút lục 135) anh H và chị K thống nhất trình bày: "Về tài sản chung là diện tích 239,7m^2 *tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước ….và toàn bộ tài sản gắn liền với đất như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/10/2016....*"; Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2017 anh Hoàng Văn H khẳng định: " *Bố tôi liên hệ với bà Nguyễn Thị H để hỏi mua đất cho vợ chồng tôi để cất nhà ở ổn để làm ăn. Bà Hồng bán với giá 360 triệu đồng, trong đó vợ chồng tôi tích cóp được 100 triệu đồng, bán xưởng mộc của bố tôi 25 triệu đồng, còn lại do bố tôi vay mượn ở quê đem lên…. Sau đó thì chúng tôi tiếp tục làm và tích cóp gửi về trả cho cha mẹ tôi mỗi lần từ 15 – 20.000.000đ, chuyển qua đường bưu điện. Đến nay còn nợ bố mẹ tôi tiền mua đất là 50.000.000đ....*". Lời khai của anh H phù hợp với lời khai của bố mẹ anh H là ông H1, bà M về nguồn gốc của số tiền mua đất cụ thể tại các bút lục (118, 121, 123, 130) nội dung: *Cuối năm 2009 ông H1 bà M có cho vợ chồng Khuyên Hải vay 160 triệu mua đất và đã trả được 110 triệu vợ chồng Khuyên Hải còn nợ 50 triệu tiền mua đất yêu cầu trả cho ông bà.*

Hơn nữa, quá trình chung sống, vào ngày 03/4/2013 vợ chồng anh H, chị K đã thế chấp tài sản là diện tích đất 239,7m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số 00195/CNTT do UBND thị xã P cấp ngày 29-6-

2010 cho ông Hoàng Văn H cho Ngân hàng A – Chi nhánh Bình Phước, Phòng giao dịch Phước Bình để vay số tiền 200.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn thì cả anh H, chị K cùng ký tên trong hợp đồng thế chấp này và cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung cho ngân hàng.

Tại Bản án số 09/2017/HNGĐ-PT, ngày 07-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm lần 1, trong phần nhận định cũng khẳng định đây là khối tài sản chung của vợ chồng anh H và chị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 anh H vẫn cho rằng diện tích đất 239,7m^2 tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước là tải sản riêng của mình nhưng anh H không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Vì vậy, việc anh H thay đổi lời khai cho rằng diện tích đất 239,7m^2 tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước là tải sản riêng của anh H là không đúng sự thật.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định diện tích đất 239,7m^2 tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước cùng toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của của anh H, chị K tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chia đôi giá trị tài sản nêu trên cho chị K và anh H theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc chia tài sản chung nên cần chia lại cho phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh H và chị K đều có nguyện vọng được nhận tài sản bằng hiện vật. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao tài sản cho anh H được nhận tài sản bằng hiện vật, sau đó chị K kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị K đã tự nguyện đồng ý giao toàn bộ diện tích đất 239,7m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước cho anh H và xin rút kháng cáo về phần này nên cần giao toàn bộ khối tài sản trên cho anh H và buộc anh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị K 50% giá trị tài sản là phù hợp.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2018 và biên bản định giá ngày 28/9/2018. Hội đồng xét xử xác định các tài sản chung của chị K và anh H gồm: 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2, 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2, nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2, hồ nước có dung tích 5,9m^3, sân bê tông có diện tích 36m^2, sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2 và diện tích đất 239,7m^2. Tổng giá trị tài sản là 1.669.488.840 đồng. Do giao toàn bộ khối tài sản trên cho anh H nên cần buộc anh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị K giá trị chênh lệch chia tài sản tương ứng với 50% tổng giá trị tài sản là 1.669.488.840đ/2 = 834.744.420đ.

Từ những phân tích và lập luận trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Đỗ Thị K sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản, nên án phí sơ thẩm được sửa lại như sau: Chị K, anh H mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được chia có giá trị 834.744.420đ đồng là 36.000.000 đồng + 3% x (834.744.420đ – 800.000.000) = 37.043.000 đồng.

+ Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của chị K được chấp nhận một phần nên chị K không phải chịu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Đỗ Thị K.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị K được quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2 (trong đó có 60m^2 đất ONT), thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00195/CNTT (số vào sổ H 00195/CN) ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 219, 224 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 59, 62 và Điều 64 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chia cho anh Hoàng Văn H toàn quyền sử dụng diện tích đất 239,7m^2 (trong đó có 60m^2 đất ONT), thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00195/CNTT (số vào sổ H 00195/CN) ngày 29-6-2010 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Hoàng Văn H và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4D có diện tích 90m^2; 01 nhà cấp 4A có diện tích 84m^2; nhà tắm + nhà vệ sinh có diện tích 4,8m^2; 01 hồ nước có dung tích 5,9m^3; 01 sân bê tông có diện tích 36m^2; 01 sân bê tông có lát gạch Ceramic diện tích 26,4m^2. Tổng trị giá tài sản là 1.669.488.840đ.

- Buộc anh Hoàng Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho chị K ½ giá trị tài sản là 834.744.420đ (*Tám trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm bốn bốn nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*)

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.043.000 đồng (*ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), được trừ vào số tiền còn lại 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005395 ngày 25-7-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Chị K còn phải nộp tiếp số tiền 25.043.000 (*Hai mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 37.043.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng A – chi nhánh Bình Phước số tiền tạm ứng án phí 5.100.980đ (*Năm triệu, một trăm nghìn, chín trăm tám mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005541 ngày 07-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Hoàn trả lại cho ông H1, bà M số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005674 ngày 24-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Đỗ Thị K không phải chịu. Chi cục thi hành án Dân sự thị xã P hoàn trả lại cho chị K số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006162 ngày 16/11/2018.

[5] Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Lê Hồng Hạnh